

TÍNH TỰ GIÁC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DƯỚI GÓC NHÌN CỦA TÂM LÝ HỌC HOẠT ĐỘNG

Lê Khanh

Khoa Tâm lý học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn.

Trong lịch sử tâm lý học hiện đại, hầu hết các trường phái lớn (tâm lý học hành vi, tâm lý học nhận thức, tâm lý học nhân văn, tâm lý học hoạt động...) đều quan tâm nghiên cứu vận dụng lý thuyết của mình vào trường học, trong đó trực tiếp hoặc gián tiếp đều bàn tới vấn đề tính tự giác học tập là yếu tố quyết định nhất để người học đạt được kết quả cao trong quá trình học tập tiếp thu tri thức loài người đã phát hiện ra. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ bàn về tính tự giác của người học nói chung, và sinh viên nói riêng, dưới góc nhìn của tâm lý học hoạt động.

Các nhà tâm lý học hoạt động khi bàn về tính tự giác học tập (Lêônchiep, Đavudôv, Bôgiôvich, Menchinkaia...) đều thống nhất cho rằng, khi mà tri thức được người học lĩnh hội (tiếp thu) không chỉ dừng lại ở mức hiểu (mô tả, giải thích, cắt nghĩa...) những điều đã học, mà ở mức độ cao hơn những tri thức đó đã trở thành cái quyết định bên trong nhân cách; điều khiển, điều chỉnh hành động của người đó, khiến họ chỉ có thể hành động thế này mà không thể hành động khác được. Đó chính là lúc tính tự giác học tập được hình thành. Lúc đó, người học biết hành động theo mệnh lệnh của chính mình, biểu hiện ở chỗ tự đề ra mục đích học tập, tự lựa chọn công cụ phương tiện cần thiết để đạt mục đích đó, tự xây dựng kế hoạch thực hiện hành động phù hợp với những điều kiện hiện có và hoàn cảnh cụ thể của mình; tự điều khiển mình thực hiện kế hoạch đã đề ra nhằm đạt tới mục đích; đồng thời, tự kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả hành động, làm cho học tập của mình ngày càng đem lại hiệu quả cao hơn. Theo cách hiểu này A. N. Lêônchiep khẳng định: "Tính tự giác là cái mà trong nhân cách con người, nó đặc trưng cho cả tri thức, tư duy, các tình cảm, lẫn các khát vọng của con người, là cái mà trong thực tế chúng

trở thành cái gì đối với con người, và chúng hướng cuộc sống của con người tới đâu" [1, tr 283-284]. Tóm lại, tính tự giác học tập biểu hiện ở chỗ tri thức mà người học lĩnh hội trở thành cái gì đối với nó, có vị trí như thế nào trong cuộc sống thực của nó.

Cách hiểu tính tự giác như trên liên quan chặt chẽ với vấn đề ý thức trong tâm lý học. Tính tự giác học tập không tách khỏi tính ý thức trong học tập. Khi nói một sinh viên ý thức được nội dung một tài liệu chuyên ngành nào đó, đương nhiên nảy sinh hai câu hỏi sau đây:

- Thứ nhất, sinh viên đó ý thức được cái gì trong tài liệu chuyên ngành này? hay nói một cách khác, trong trường hợp này cái gì trở thành đối tượng ý thức của anh ta?

- Thứ hai, sinh viên này ý thức điều đó như thế nào (đến mức độ nào) ?

Câu hỏi thứ nhất liên quan tới đối tượng của ý thức. Cần lưu ý rằng, sự hiện diện của nội dung tài liệu này hay tài liệu khác trong trường tri giác của một sinh viên nào đó chưa chắc đã phải là đối tượng ý thức của anh ta trong thời điểm hiện tại (ta quy ước gọi là "ý thức thực tại"), chúng có thể chỉ là cái được ý thức của anh ta kiểm tra khi cần thiết (ta quy ước gọi là "ý thức kiểm tra"). Giống như khi đi trên phố, ý thức của tôi hoàn toàn bị hút vào nội dung câu chuyện của người bạn đồng hành (nội dung câu chuyện trở thành đối tượng ý thức của tôi), trong khi đó tôi vẫn phản ứng hợp lý với dòng người đang đi ngược lại, với những chướng ngại khác nhau mà tôi đã gặp, không hề bị va vấp, mặc dù tôi không thể nói gì về chúng nếu có ai đó hỏi tôi về những chướng ngại này. Điều đó chứng tỏ rằng, trong khi nội dung câu chuyện là đối tượng ý thức của tôi, đang được tôi ý thức một cách thực tại, thì những chướng ngại vừa nói tới ở trên vẫn được tôi tri giác (chính hình ảnh tâm lý do tri giác lúc này đem lại đã giúp tôi có phản ứng hợp lý, không hề bị va vấp khi đi trên đường), nhưng chúng không phải là đối tượng ý thức của tôi, chúng chỉ được ý thức của tôi kiểm tra khi cần thiết. Nói cách khác, cái được tri giác và nội dung được ý thức (đối tượng của ý thức) không phải lúc nào cũng trùng khớp với nhau. Phạm vi của cái được ý thức (là đối tượng của ý thức) là tương đối hẹp hơn so với cái được tri giác. Vì thế, khi ta nhìn thấy một sinh viên đang ngồi đọc tài liệu chuyên ngành (hay đang ngồi nghe giảng bài) thì ta chưa thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, nội dung tài liệu chuyên ngành (hay nội dung bài giảng) đó đang là đối tượng ý thức của anh ta hay không (có đang được anh ta ý thức một cách thực tại hay không). Ở đây một câu hỏi được đặt ra là: trong trường hợp nào thì cái đang được tri giác và nội dung được ý thức hoàn toàn trùng khớp với nhau (cái được tri giác đồng thời là đối tượng của ý thức) ?

Theo quan điểm hoạt động, một sự vật hiện tượng nào đó chỉ có thể là đối tượng ý thức của chủ thể (đang được chủ thể hoạt động ý thức một cách

thực tại) khi sự vật hiện tượng đó đang chiếm vị trí cấu trúc mục đích trực tiếp của hành động đang tham gia thực hiện hoạt động này, nghĩa là hành động này đang được trực tiếp thúc đẩy bởi động cơ của hoạt động mà nó đang tham gia thực hiện. Do đó, ta có thể nói rằng, muốn cho nội dung một tài liệu chuyên ngành nào đó đang được một sinh viên nào đó tri giác trở thành (hay đồng thời là) đối tượng ý thức của anh ta, thì nội dung tài liệu chuyên ngành đó phải được anh ta đặt vào vị trí cấu trúc mục đích trực tiếp của hành động học đang tham gia thực hiện hoạt động học tập của mình, nghĩa là làm cho hành động ấy được động cơ học tập của anh ta chi phối. Nói cách khác, phương thức duy nhất (xét theo quan điểm hoạt động) để một nội dung tài liệu chuyên ngành nào đó trở thành đối tượng của ý thức người đọc, thì bản thân người đọc phải thực hiện một hành động có mục đích trực tiếp là chính nội dung tài liệu đó, không làm được như vậy thì nội dung này sẽ ngay lập tức "trườn" ra ngoài trường ý thức của anh ta, nhường chỗ cho một cái khác, mặc dù nó vẫn được anh ta tri giác. Vì thế, trong thực tiễn học tập mới có hiện tượng "vờ chú ý". Thoạt nhìn ta tưởng chàng sinh viên nọ đang chăm chú nghe giảng. Anh ta đang ngồi bất động, mắt nhìn chăm chăm vào thầy, nhưng thật ra nội dung bài giảng của thầy không được anh ta đặt vào vị trí cấu trúc mục đích trực tiếp của hành động học lúc này của anh ta (không phải là đối tượng ý thức của anh ta), mà hình ảnh người yêu mới được anh ta đặt vào vị trí đó. Hiện tượng này khi bị giảng viên phát hiện, yêu cầu anh ta nhắc lại nội dung điều vừa nói, thì lập tức hành vi "giả vờ" của chàng sinh viên nọ bị bóc trần (anh ta ấp úng và không thể làm được điều thầy yêu cầu).

Tóm lại, điều kiện tiên quyết để nội dung của một tài liệu học tập trở thành đối tượng của ý thức người học, là bản thân người đó phải thực hiện một hành động học có mục đích trực tiếp là nội dung tài liệu đó. Đây là điều kiện cần, nhưng chưa đủ để có tính tự giác học tập (để không còn có hiện tượng "vờ chú ý" như vừa nói tới ở trên). Muốn giải quyết triệt để vấn đề tính tự giác học tập cần phải trả lời tiếp câu hỏi thứ hai đã đặt ra từ đầu: Nội dung tài liệu khi đã trở thành đối tượng của ý thức, nó tiếp tục được sinh viên ý thức như thế nào, nó trở thành cái gì trong nhân cách anh ta? Đây là câu hỏi trung tâm của vấn đề tính tự giác học tập (tính ý thức trong học tập). Muốn trả lời câu hỏi này, theo chúng tôi, chẳng những cần hiểu chính xác khái niệm ý thức, mà còn cần hiểu đúng mối quan hệ giữa "Nghĩa" và "Ý" (ý cá nhân) trong tâm lý học hoạt động.

Nhìn chung, tâm lý học truyền thống đã đồng nhất ý thức với hoạt động nhận thức; coi ý thức là sản phẩm độc đáo chỉ riêng của hoạt động nhận thức, chứ không phải là sản phẩm của các quan hệ sinh tồn hiện thực của chủ thể. Tức là về mặt tinh thần, theo quan niệm của tâm lý học truyền thống, ý thức biểu hiện ra chỉ như là tri thức chứ không phải như là quan hệ. Khác với tâm lý

học truyền thống, tâm lý học hoạt động coi ý thức như là quan hệ, như là vấn đề về cái "Ý" đối với con người của cái được con người nhận thức.

Trong ngôn ngữ thường ngày "Ý" thường đi đôi với "Nghĩa", cùng để chỉ nội hàm của một từ. Cách hiểu này không phản ánh được toàn bộ sự phong phú về mặt nội dung tâm lý của cái khái niệm "Nghĩa" và "Ý" mà tâm lý học hoạt động đã phát hiện ra. Tâm lý học hoạt động hiểu "Nghĩa" - đó là sự khái quát hiện thực được ghi lại (kết tinh lại) trong các yếu tố đại diện cảm tính của nó, thường là một từ hay cụm từ. Đây là sự kết tinh kinh nghiệm xã hội, thực tiễn xã hội của loài người thành hệ thống các "Nghĩa" (hệ thống tri thức) phản ánh trong các lĩnh vực khoa học và nghệ thuật khác nhau. Do đó, "Nghĩa", trước hết, thuộc về phạm trù ý thức xã hội, tồn tại một cách khách quan đối với ý thức cá nhân. Tuy nhiên, để phát triển tâm lý, nhân cách của mình, mỗi người phải tiếp thu lấy hệ thống tri thức (hệ thống các "Nghĩa"), biến chúng thành tài sản (tâm lý) riêng của mình. Do vậy, "Nghĩa" không chỉ tồn tại như là phạm trù ý thức xã hội (như vừa nói tới ở trên) mà còn tồn tại như là một thực tại của ý thức cá nhân. Đối với mỗi cá nhân, khi mới sinh ra đã có sẵn một hệ thống "Nghĩa" do loài người phát hiện ra được lưu giữ trong kho tàng văn hoá. Để phát triển tâm lý của mình, cá nhân phải chiếm lĩnh lấy hệ thống này (chiếm lĩnh cái vật thể vật chất của "Nghĩa") cùng với việc chiếm lĩnh các công cụ khác, biến chúng thành cái tâm lý trong đời sống tinh thần của cá nhân. Ở đây, xuất hiện câu hỏi thuần túy tâm lý như sau: Cá nhân chiếm lĩnh một "Nghĩa" nhất định nào đó (một tri thức nào đó) ở mức độ nào? Chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức (sâu sắc hay nông cạn), hay ở mức độ nhân cách (trở thành cái quyết định bên trong của người đó như đã nói ở phần trên)? Sự kiện ấy phụ thuộc vào cái gì?

Tâm lý học hoạt động khẳng định rằng: muốn cho một tri thức ("Nghĩa") được cá nhân lĩnh hội không dừng lại ở mức độ nhận thức (sâu sắc hay nông cạn) mà phải đạt tới mức độ nhân cách (tri thức ấy ("Nghĩa") trở thành cái quyết định bên trong) thì trong quá trình giáo dục phải tổ chức sao cho "Nghĩa" ấy (tri thức ấy) làm xuất hiện một "Ý" nào đó đối với cá nhân. Tuy nhiên, ở đây lại xuất hiện câu hỏi: "Ý" cá nhân là gì? Nó xuất hiện trong đời sống tâm lý cá nhân bằng cách nào?

Công trình thực nghiệm của A. N. Lêônchiep và cộng sự chỉ ra rằng: sự vận động của "Nghĩa" (tri thức mà cá nhân đã lĩnh hội) trong các mối quan hệ đặc thù và cá biệt của cá nhân với hiện thực xung quanh (thế giới tự nhiên, xã hội, những người khác) sẽ làm cho cá nhân trải nghiệm đầy đủ giá trị của tri thức ("Nghĩa") mà mình đã tiếp thu đối với cuộc sống thực của mình; thấy được ý nghĩa thiết thân của nó đối với cuộc đời mình. Do đó, nó trở thành cái quyết định bên trong đối với hành vi bên ngoài của chủ thể. Trong trường hợp này ta

nói rằng tri thức được chủ thể tiếp thu đã có được một "Ý" đối với chủ thể. Trên cơ sở đó chủ thể tổ thái độ đối với cái được nhận thức. Nói cách khác, sự vận động của "Nghĩa" (tri thức cá nhân đã tiếp thu) trong các mối quan hệ đặc thù và cá biệt của cá nhân trong cuộc sống thực của mình, đã làm xuất hiện từ "Nghĩa" một "Ý" đối với cá nhân (làm xuất hiện ý cá nhân đối với cái được nhận thức). Điều này chứng tỏ rằng: sự xuất hiện của ý cá nhân (một khía cạnh của ý thức con người) xuất phát từ cuộc sống thực của nó, từ sự tồn tại cụ thể của riêng nó trong các mối quan hệ xã hội mà nó là thành viên. Nói cách khác, ý cá nhân xuất hiện trong hoạt động mang tính đặc thù và cá biệt của riêng nó. Trên cơ sở đó, chúng ta hiểu điều khẳng định sau đây của A. N. Lêônchiep: "Theo luận điểm chung của chúng tôi, quan hệ của đối tượng trực tiếp của hành động (mục đích trực tiếp của hành động) với động cơ của hoạt động mà hành động được bao hàm trong đó, chính là cái mà chúng ta gọi là Ý" [1, tr 353].

Nói cách khác, "Ý" được định nghĩa là quan hệ của mục đích trực tiếp của hành động với động cơ hoạt động mà hành động này đang thực hiện. Do đó, ý biến đổi cùng với sự biến đổi của động cơ hoạt động. Cùng một hành động, nhưng khi thực hiện các quan hệ khác nhau, tức là tham gia vào thực hiện những hoạt động có động cơ khác nhau thì có những "Ý" khác nhau. Tóm lại, ý được quy định bởi động cơ của hoạt động. Trong hoạt động học tập, ý (đặc trưng cho tính tự giác học tập) được quy định bởi động cơ học tập của người học. Muốn giáo dục tính tự giác học tập cho sinh viên, do đó, phải giáo dục động cơ học tập trong mối liên hệ với sự phát triển cuộc sống của họ. Trong quá trình này, việc làm cho sinh viên lĩnh hội được "Nghĩa" (tri thức) là chưa đủ; còn cần làm sao cho họ có thái độ thích hợp với nội dung được nghiên cứu, vì thái độ đối với tri thức mới là bản chất của tính tự giác học tập. Chỉ trong điều kiện đó, từ những tri thức mà họ tiếp thu mới xuất hiện một ý nào đó đối với họ, trở thành cái quyết định bên trong nhân cách họ; điều khiển, điều chỉnh hành vi của họ phù hợp với cái quyết định bên trong này. Khi đó, tri thức do họ tiếp thu được mới trở nên sống động đối với chính họ, quy định thái độ của họ đối với thế giới xung quanh và đối với chính mình. Tính tự giác học tập của họ được hình thành và phát triển trong bối cảnh đó chứ không phải từ sự kêu gọi, thúc ép, kiểm tra từ bên ngoài. Lúc đó, sinh viên luôn ý thức được rằng việc học tập là một nhu cầu cơ bản, thiết yếu chẳng khác gì nhu cầu về cơm ăn, nước uống. Trên cơ sở đó họ biết tự đề ra mục tiêu phấn đấu trong học tập; tự vạch ra kế hoạch thực hiện mục tiêu đó; tự kiểm tra đánh giá bản thân thường xuyên trong từng môn học, từng loại hình hoạt động, trong những tình huống, điều kiện, quan hệ khác nhau, nhằm đạt kết quả cao nhất trong quá trình vươn tới mục đích đã đề ra.

Từ góc nhìn giáo dục, chúng ta thấy tính tự giác học tập của con người cần được giáo dục ngay từ khi đứa trẻ bước chân vào lớp một. Tất nhiên những nhiệm vụ cụ thể của việc giáo dục thái độ tự giác đối với học tập, đối với cái

được nghiên cứu là khác nhau đối với những lứa tuổi khác nhau của người học. Nó phải được đặt ra như là những nhiệm vụ phát triển không tách rời với việc giáo dục những động cơ học tập trong từng bước phát triển cuộc sống thực của từng lứa tuổi. Chỉ có như vậy thì nhiệm vụ đặt ra mới đủ cụ thể và quan trọng hơn là mới có tính hiện thực.

Tài liệu tham khảo

1. A. N. Lêônchiep. *Hoạt động - Ý thức - Nhân cách*. NXB GD, 1989.
2. B. Ph. Lômốp. *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
3. V. V. Đavudôv. *Các dạng khái quát hoá trong dạy học*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
4. Lê Đức Phúc. *Tập bài giảng Tâm lý học Văn hoá*. Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội, 2006.